

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát vướng mắc, bất cập trong hệ thống pháp luật theo
Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 5,
Quốc hội khóa XV**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Văn bản số 5449/VPCP-PL ngày 19/7/2023 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 3373/BTP-KTrVB ngày 01/8/2023 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Nghị quyết Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; ngoài kết quả rà soát Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã báo cáo theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 689/TTg-PL ngày 29/7/2023 về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật hiện hành (Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 09/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp), Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo bổ sung kết quả rà soát như sau:

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 5449/VPCP-PL ngày 19/7/2023 và Bộ Tư pháp tại Văn bản số 3373/BTP-KTrVB ngày 01/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Văn bản số 5135/UBND-NC ngày 21/07/2023 và Văn bản số 5853/UBND-NC ngày 16/8/2023 về việc triển khai rà soát và báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng Báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp tại các Văn bản nêu trên.

2. Về công tác tổ chức rà soát và phạm vi rà soát

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 826/STP-VB&XLVPHC ngày 03/8/2023 đề nghị các các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

- Rà soát toàn diện quy định trong các luật, pháp lệnh hiện hành liên quan đến lĩnh vực quản lý để phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn và kịp thời đề xuất phương án hiệu quả, khả thi để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, điều khoản cụ thể trong các luật, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư và văn bản pháp luật có liên quan;

- Rà soát các quy định về thẩm quyền của các cấp; các quy định có nhiều thủ tục qua các tầng nấc trung gian, hình thức, không thực chất trong xem xét, quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân để đề xuất cụ thể các quy định cần sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Lĩnh vực Công Thương (*quản lý vật liệu nổ công nghiệp, quản lý hoạt động hóa chất, quản lý an toàn thực phẩm, kinh doanh xăng dầu*)

a) Về lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

- Quy định điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp được phép sử dụng VLNCN hiện nay không phù hợp với thực tiễn và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

Tại điểm e khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định điều kiện: “*Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất*”.

Trong thực tế, VLNCN là giải pháp kỹ thuật thiết yếu trong khai thác khoáng sản và thi công công trình, nhiều doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng VLNCN thường xuyên nhưng khối lượng sử dụng nhỏ và các doanh nghiệp có xu hướng cải tiến công nghệ, hạn chế tối đa lượng thuốc nổ để giảm thiểu tác động đến môi trường, điều kiện an toàn khu vực, chỉ sử dụng VLNCN trong các trường hợp thật sự cần thiết và không có giải pháp thay thế. Điển hình như các doanh nghiệp khai thác đá granite ốp lát trên địa bàn tỉnh, nhu cầu sử dụng VLNCN là thiết yếu và thường xuyên, nhưng khối lượng thuốc nổ sử dụng không lớn (*nhất là khi doanh nghiệp đã hoàn thành công tác bóc tầng phủ và cải tiến, áp dụng công nghệ cưa dây, cưa đĩa, chỉ sử dụng VLNCN để xử lý các mô chân tầng*) nếu không được tiếp tục sử dụng VLNCN sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Do khối lượng thuốc nổ sử dụng nhỏ, cự ly vận chuyển xa và yêu cầu riêng biệt của kỹ thuật nổ mìn tách đá khối nên phương án thuê dịch vụ nổ mìn tại các mỏ đá ốp lát là không khả thi, các doanh nghiệp không

thể tìm được đơn vị dịch vụ nổ mìn đồng ý ký hợp đồng để sử dụng VLNCN phục vụ cho hoạt động khai thác đá khối.

Do đó, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét bãi bỏ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 41 của Luật để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Nội dung quy định về quản lý VLNCN của các đơn vị hoạt động dịch vụ nổ mìn tại địa phương chưa đầy đủ và đồng bộ:

Tại điểm d khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định: *“Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan”*. Tuy nhiên, tại điểm đ khoản 2 Điều này chỉ quy định đơn vị dịch vụ nổ mìn có văn bản thông báo cho UBND tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện nổ mìn tại địa phương, không có điều khoản quy định cụ thể về việc đánh giá điều kiện an ninh, trật tự của khu vực sử dụng VLNCN do đơn vị dịch vụ nổ mìn thực hiện tại địa phương. Từ đó dẫn đến việc quản lý hoạt động sử dụng VLNCN của các đơn vị dịch vụ nổ mìn chưa đồng bộ, thống nhất trong cả nước.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ sung các quy định về quản lý hoạt động của các đơn vị dịch vụ nổ mìn nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật và các quy định khác có liên quan.

- Quy định về các loại hình hoạt động được sử dụng VLNCN và thành phần hồ sơ thủ tục hành chính về cấp phép sử dụng VLNCN chưa đồng bộ; còn nhiều loại hình hoạt động khác có nhu cầu sử dụng VLNCN nhưng chưa có trong quy định:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, chỉ các tổ chức, doanh nghiệp *“có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng VLNCN”*. Trên thực tế còn nhiều loại hình hoạt động khác cần sử dụng VLNCN như: Sử dụng VLNCN để xử lý trong các tình huống khẩn cấp khắc phục sự cố thiên tai; sử dụng VLNCN để dự phòng phục vụ vận hành công trình đập thủy điện; phục vụ khảo sát địa chất, đo địa chấn... nhưng chưa được quy định cụ thể là trường hợp được phép sử dụng VLNCN theo quy định. Do đó, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Quy định về thành phần hồ sơ để cấp giấy phép sử dụng VLNCN chưa đầy đủ và chặt chẽ:

Khoản 1 Điều 42 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ

trợ năm 2017 chỉ quy định các thành phần hồ sơ cho đối tượng khai thác khoáng sản hoặc thi công công trình; chưa quy định thành phần hồ sơ đối với các trường hợp khác (*các đối tượng còn lại gồm: hoạt động dầu khí, công trình nghiên cứu thử nghiệm hoặc các nhiệm vụ do Thủ tướng giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp....*). Vì vậy, các trường hợp nêu trên chưa xác định được các thành phần hồ sơ cần thiết để cấp giấy phép sử dụng VLNCN.

Bên cạnh đó, một số thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng VLNCN không được xác định cụ thể, có nhiều cách hiểu khác nhau như: “*Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*”; “*Bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp*”.

Ngoài ra, việc quy định thành phần hồ sơ phải có “*Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ*”; nội dung quy định này không phù hợp với xu hướng cải cách thủ tục hành chính hiện nay.

Do đó, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về thành phần hồ sơ cấp giấy phép sử dụng VLNCN đảm bảo tính đồng bộ và chặt chẽ. Đồng thời, quy định theo hướng đơn giản hoá các thủ tục hành chính.

- Hiện nay, quy định về đơn vị có đủ điều kiện để được cấp giấy phép sử dụng VLNCN trong hoạt động thi công công trình chưa được cụ thể:

Hoạt động thi công các công trình xây dựng, nhất là tại các dự án lớn, các dự án trọng điểm cần đẩy nhanh tiến độ thi công, có thể có nhiều đơn vị tham gia như: Nhà thầu chính, các nhà thầu phụ. Qua nghiên cứu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 và điểm d khoản 1 Điều 42 của Luật, địa phương nhận thấy việc xác định đơn vị có đủ điều kiện để được cấp giấy phép sử dụng VLNCN trong hoạt động thi công công trình chưa được rõ ràng để thống nhất trong triển khai thực hiện, đó là chỉ đơn vị nhà thầu chính mới đủ điều kiện, hay tất cả các đơn vị nhà thầu thi công đều có đủ điều kiện để được cấp giấy phép sử dụng VLNCN trên cơ sở là có hợp đồng thi công công trình.

- Trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN, địa phương gặp khó khăn trong việc xác định thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương:

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT quy định về công tác cấp giấy phép sử dụng VLNCN cho tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh

ngành nhà nước giữ cổ phần chi phối do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hoặc các Bộ, ngành làm đại diện chủ sở hữu vốn thuộc thẩm quyền của Cục KTAT&MTCN (Bộ Công Thương). Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể để xác định đơn vị thuộc đối tượng là “doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối”, làm cơ sở cho việc xác định thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định nêu trên.

Do đó, đề nghị Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, tài liệu để xác định đối tượng là “doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối” hoặc điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT theo hướng bãi bỏ đối tượng là “doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối” để tạo thuận lợi trong công tác thẩm định hồ sơ.

b) Về lĩnh vực quản lý hoạt động hóa chất

- Về phạm vi, thẩm quyền quản lý:

Ngành Công Thương quản lý các hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về Danh mục các hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp (*ngoại trừ các loại hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp*). Trên thực tế, một số cơ sở sản xuất công nghiệp có hoạt động sử dụng các loại hóa chất không nằm trong danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, đồng thời không thuộc các loại hóa chất thuộc phạm vi quản lý của các ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế nên chưa xác định được cơ quan quản lý về hóa chất đối với nhóm các cơ sở này.

- Về chế độ báo cáo định kỳ:

Theo quy định của Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, các cơ sở có hoạt động hóa chất phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trên hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia. Tuy nhiên, đối với một số loại hình hóa chất đặc thù như vật liệu nổ công nghiệp đã có quy định về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017. Do đó, đề nghị xem xét theo hướng miễn trách nhiệm báo cáo định kỳ trên hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia đối với nhóm các cơ sở hóa chất đặc thù nêu trên.

- Công tác quản lý hóa chất hiện nay dựa trên quản lý thành phần đơn chất, trên thực tế, một số doanh nghiệp có sử dụng các loại hóa chất thương mại là hỗn hợp của rất nhiều thành phần đơn chất, trong đó có những thành phần là tiền chất công nghiệp, tiền chất chất ma túy theo quy định tại Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các Danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tuy nhiên, việc tách chiết, điều chế các thành phần tiền chất công nghiệp trong các hỗn hợp hóa chất là sản phẩm thương mại để phục vụ cho quá trình sản xuất ma túy là rất khó, không khả thi. Do đó, kính đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể nhằm cắt giảm quy định pháp luật về quản lý tiền chất ma túy đối với nhóm các doanh nghiệp nêu trên.

c) Về lĩnh vực quản lý an toàn thực phẩm (ATTP)

- Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương ở quy mô hộ gia đình (Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh):

Theo quy định của Luật ATTP năm 2010, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ATTP, nhóm các cơ sở nêu trên không thuộc đối tượng thuộc diện “không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP” theo quy định tại Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Công Thương không có quy định cụ thể về thực hiện thủ tục hành chính để cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở này.

Từ thực tiễn quản lý tại địa phương, các cơ sở sản xuất thực phẩm ở quy mô hộ gia đình có số lượng cơ sở lớn, sản lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường hàng năm rất nhiều (về chủng loại và số lượng), việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho đối tượng này là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác quản lý nhà nước về ATTP và tạo điều kiện để các cơ sở hộ gia đình phát triển thị trường phân phối, tiêu thụ sản phẩm tốt hơn. Trên lĩnh vực quản lý ATTP của ngành Nông nghiệp và Y tế của tỉnh vẫn tổ chức thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho nhóm đối tượng là các cơ sở sản xuất ở quy mô hộ gia đình (có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) theo các quy định chuyên ngành (Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT).

- Bổ sung quy định xử lý vi phạm hành chính về ATTP:

Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP quy định các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP phải thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về ATTP trên địa bàn. Tuy nhiên, hiện nay các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP chưa có chế tài xử lý đối với các cơ sở không thực hiện cam kết và không gửi bản cam kết đảm bảo ATTP đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định, do đó gây khó khăn trong công tác quản lý theo dõi các cơ sở thực phẩm thuộc đối tượng này.

- Về quy định hoạt động kiểm tra chất lượng, ATTP trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương:

Đề nghị rà soát, sửa đổi Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, ATTP trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương vì căn cứ ban hành của Thông tư này là Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm đã được thay thế bởi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

d) Về lĩnh vực quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Về quy định cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu:

Tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ quy định về cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đối với thương nhân có hệ thống từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên. Quy định nêu trên làm phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết cho đối tượng này. Do đó, đề nghị bãi bỏ quy định về cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Về thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó/phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu:

Tại khoản 4 Điều 6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định: *“Cửa hàng xăng dầu phải xây dựng phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật”*. Đồng thời, tại khoản 7 Điều 7 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu quy định: *“Đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt hoặc cơ quan chủ quản thẩm định, phê duyệt theo quy định”*. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định thủ tục hành chính về giải quyết hồ sơ thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó/phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu của các doanh nghiệp. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét ban hành quy định thống nhất và cụ thể về thủ tục hành chính, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó/phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu để có cơ sở triển khai trên thực tế.

2. Lĩnh vực Xây dựng

- Theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo thông số “*tổng khối tích*” (khác với quy định trước đây của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP theo thông số “*khối tích*”) với quan điểm tổng khối tích là tổng cộng khối tích của tất cả các hạng mục hiện trạng và các hạng mục cần đầu tư để xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo mà chưa loại trừ các hạng mục đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy theo Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD. Quy định này bắt buộc các chủ đầu tư (nhất là chủ đầu tư của các công trình trường học, y tế) phải thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không những cho các hạng mục cần đầu tư thêm mà còn cho các hạng mục hiện trạng, gây phát sinh thủ tục hành chính, kéo dài thời gian đầu tư, tổng mức đầu tư tăng cao.

Do vậy, đề nghị Chính phủ bổ sung quy định cụ thể cách tính “*tổng khối tích*” là tổng cộng khối tích của các hạng mục chưa đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy (không bao gồm các hạng mục đã đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy) theo Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD trong công trình để từ đó xem xét giảm quy mô công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, giảm công suất của bể phòng cháy chữa cháy và các thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Về công tác quản lý chất lượng: Theo quy định tại Điều 13 và Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP thì thẩm quyền thẩm định phân định theo tiêu chí cơ quan quyết định đầu tư. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu phân định theo tiêu chí cấp công trình. Điều này dẫn đến một số trường hợp dự án, công trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định không có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu và ngược lại, gây bất cập trong công tác quản lý nhà nước.

Ví dụ: Đối với công trình Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc UBND tỉnh Bình Định do UBND tỉnh Bình Định quyết định đầu tư với giá trị TMĐT khoảng 16 tỷ đồng, sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của tỉnh; theo phân cấp tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì công trình được phân cấp là công trình dân dụng cấp 1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thì Sở Xây dựng là cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án. Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng là cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng nêu trên.

- Khó khăn trong công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu dịch vụ tư vấn nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC thì nội dung mua sắm gồm: Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn (gọi chung là dịch vụ).

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC thì đối với Gói thầu dịch vụ thuộc đề án hoặc dự toán mua sắm thường xuyên có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng thì thuộc trường hợp được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 58/2016/TT-BTC thì hình thức “*Chào hàng cạnh tranh*” được áp dụng đối với gói thầu có giá trị không quá 02 tỷ đồng và thuộc một trong các trường hợp sau: Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản; Gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa thông dụng,...mà không quy định cho gói thầu dịch vụ tư vấn.

Đối với trường hợp gói thầu dịch vụ tư vấn sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có giá trị từ 100 triệu đến 500 triệu đồng thì chưa có quy định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu nào.

- Quy định của các VBQPPL về đấu thầu:

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP thì đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng thì áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2013 và khoản 2 Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP thì hình thức “*Chào hàng cạnh tranh*” được áp dụng đối với các gói thầu: Dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản không quá 500 triệu đồng; mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng và xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt không quá 01 tỷ đồng; gói thầu đối với mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng.

Đối với trường hợp gói thầu dịch vụ tư vấn sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có giá trị từ 200 triệu đến 500 triệu đồng thì chưa có quy định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu nào.

Nếu theo quy định của Thông tư số 58/2016/TT-BTC thì gói thầu dịch vụ tư vấn sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có giá trị từ 100 triệu đến 500 triệu đồng không thuộc trường hợp “*Chào hàng cạnh tranh*” mà thực hiện đấu

thầu rộng rãi thì lại trái với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP là “*Chỉ định thầu*” đối với gói thầu mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng hoặc đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn*”. Do vậy, kiến nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về nội dung này để địa phương áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước phù hợp. Kiến nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định lập dự toán đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để xác định các đơn giá phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế xây dựng, vật liệu xây dựng (thường xuyên hằng năm hoặc không thường xuyên sử dụng ngân sách nhà nước).

Ngoài ra, Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT chưa quy định hồ sơ đối với hình thức chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu dịch vụ tư vấn; do đó, Sở Tài chính Bình Định hướng dẫn việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu dịch vụ tư vấn nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện bằng hình thức đấu thầu rộng rãi 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ. Điều này làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn để xác định các đơn giá phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế xây dựng, vật liệu xây dựng.

- Về lĩnh vực cấp nước sạch:

+ Quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch đã được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn về hướng xử lý đối với các dự án cấp nước sạch đang triển khai xây dựng. Ví dụ: Theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP trước đây, đối với dự án có công suất > 12.000 m³ thì lấy ý kiến Bộ Xây dựng, sau đó Nghị định số 42/2017/NĐ-CP bãi bỏ nội dung này. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc lấy ý kiến đối với các dự án này.

+ Chưa có khung chính sách, cơ chế cụ thể để thực hiện các quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 124/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 30 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

- Hạn chế, bất cập trong quy định của các nghị định thuộc chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật:

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị: *“Các tổ chức và cá nhân khai thác, sử dụng đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn đô thị có trách nhiệm phối hợp, tham gia và phải đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi theo kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”* nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể việc đóng góp kinh phí của các đơn vị được thực hiện như thế nào, nhất là các trường hợp dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công.

+ Tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và sơ sở hỏa táng giao Sở Xây dựng tổ chức lập giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng (được đầu tư bằng vốn ngân sách). Trong khi việc quản lý, vận hành, duy tu các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng xây dựng mới bằng nguồn vốn đầu tư công do UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện. Bên cạnh đó, phong tục, tập quán liên quan đến việc an táng của người dân của mỗi địa phương, khu vực cũng khác nhau nên cần xây dựng giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng cho phù hợp với tình hình của từng địa phương. Đề nghị quy định UBND cấp huyện có trách nhiệm chủ trì lập giá dịch vụ nghĩa trang và cơ sở hỏa táng cho phù hợp với tình hình thực tế quản lý.

+ Đối với Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020: Qua rà soát, tỉnh Bình Định nhận thấy thời gian hợp đồng dự án là một trong những yếu tố quyết định đến phương án tài chính của dự án được đầu tư theo phương thức đối tác công tư, phương án thu hồi vốn đầu tư, lợi nhuận của Nhà đầu tư. Tuy nhiên, tại Điều 51 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 quy định *“Thời hạn hợp đồng dự án do các bên thỏa thuận căn cứ vào quyết định phê duyệt dự án và kết quả lựa chọn nhà đầu tư”* nhưng chưa có hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản hoặc phương thức tính toán thời hạn hợp đồng để làm cơ sở đối chiếu, đánh giá sự phù hợp, dẫn đến khó khăn trong việc xác định thời hạn đối với từng dự án cụ thể. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể đối với nội dung này.

+ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, có nội dung quy định các mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tăng gấp 1,5 đến 02 lần so với mức phạt quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng (hoặc Chánh thanh tra Sở Giao thông vận tải) quy định tại Điều 75 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP vẫn không thay đổi so với Nghị định số 139/2017/NĐ-CP, dẫn đến trường hợp hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Sở, phải trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, sẽ kéo dài thời gian xử lý các hành

vi phạm thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý của Sở Xây dựng theo phân cấp. Đồng thời, khó ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả. Đề nghị tăng thẩm quyền về xử phạt tiền của Chánh Thanh tra Sở quy định tại Điều 75 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP như thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện.

3. Lĩnh vực Y tế

a) Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

- Theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP thì hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu của công chức, viên chức gồm có “*Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị*”.

Tuy nhiên, Sở Y tế quản lý 23 cơ quan, đơn vị trực thuộc; tại các đơn vị trực thuộc có nhiều khoa, phòng, trạm y tế, số lượng công chức, viên chức, người lao động ít, chủ yếu hoạt động chuyên môn (có gần 800 vị trí lãnh đạo, quản lý), nếu tất cả đều phải thực hiện thẩm định tiêu chuẩn chính trị thì phát sinh quá nhiều thủ tục hành chính và gây quá tải công việc cho các cơ quan chức năng. Do đó, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn cụ thể quy định trên được áp dụng ở cấp nào để đảm bảo tính khả thi khi áp dụng thực hiện.

- Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định việc tuyển dụng phải theo từng vị trí việc làm nên nhiều vị trí có thí sinh đạt yêu cầu vẫn không được tuyển do cạnh tranh (kể cả bác sĩ), trong khi nhiều vị trí không có người tham gia dự tuyển. Nghị định chưa có cơ chế điều chuyển cho phù hợp để đảm bảo tuyển đủ người nơi thiếu và không bỏ qua người đạt yêu cầu nhưng không được tuyển do cạnh tranh. Đề xuất có văn bản quy định được chuyển những người đạt kết quả kỳ tuyển dụng nhưng không được tuyển vì hết chỉ tiêu theo vị trí tuyển dụng sang các vị trí khác chưa tuyển được viên chức trong kỳ tuyển dụng viên chức.

- Nhiều nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức quy định việc thực hiện, quyết định là do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Đề xuất có văn bản quy định, hướng dẫn phân cấp cụ thể hơn và phù hợp với đặc thù của các ngành quản lý nhiều đơn vị sự nghiệp và viên chức.

Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; hầu hết nhiệm vụ được phân cấp cho Giám đốc Sở. Đề xuất giao quyền cho Giám đốc Sở được phân cấp một số nội

dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

b) Luật Dược năm 2016

- Khoản 3 Điều 24 Luật Dược năm 2016 và điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề dược có “*Giấy chứng nhận sức khỏe để hành nghề dược*”. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP đã bãi bỏ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP. Do đó, đề xuất bãi bỏ khoản 3 Điều 24 Luật Dược.

- Khoản 3 Điều 24 Luật Dược năm 2016 quy định Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề dược có “*Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*”. Tuy nhiên, thực hiện quy định của Đề án 06 thì không yêu cầu các giấy tờ này khi thực hiện thủ tục hành chính. Do đó, đề xuất bãi bỏ khoản 6 Điều 24 Luật Dược.

c) Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Đề nghị thống nhất ghi rõ thời gian thực hiện thủ tục là “*ngày làm việc*” thay cho “*ngày*” vì liên quan việc công bố thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Đề nghị bổ sung thành phần hồ sơ “*Sơ yếu lý lịch tự thuật*” để cơ quan tiếp nhận hồ sơ có cơ sở xác định thẩm quyền, phạm vi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

Ví dụ: Bác sỹ có chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế Bình Định cấp nhưng hiện tại làm việc trên địa bàn thành phố khác. Khi nộp hồ sơ đề nghị cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP thì Sở Y tế Bình Định phải tiếp nhận nhưng muốn xác định đúng thẩm quyền cấp điều chỉnh thì phải xác minh hành nghề với các tỉnh, thành phố khác; dẫn đến phát sinh công việc hành chính.

4. Lĩnh vực Giao thông vận tải

a) Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

- Điểm c, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định “*Trường hợp xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trên 70% tổng thời gian hoạt động trong một tháng tại địa phương nào thì phải thực hiện cấp phù hiệu địa phương đó...* ”; đối với xe hợp đồng, xe du lịch: “*trong thời gian một tháng, mỗi xe ô tô không được thực hiện quá 30% tổng số chuyến của xe đó có điểm đầu trùng lặp và điểm cuối trùng lặp,...*”. Tuy nhiên, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và Nghị định số 123/2021/NĐ-CP chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp xe ô tô kinh doanh

vận tải hành khách có trên 70% tổng thời gian hoạt động trong một tháng tại địa phương nhưng không thực hiện thủ tục cấp phù hiệu tại địa phương đó và xe hợp đồng, xe du lịch trong thời gian một tháng thực hiện quá 30% tổng số chuyến của xe đó có điểm đầu trùng lặp và điểm cuối trùng lặp.

- Tại điểm b khoản 10 Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu vi phạm đối với trường hợp khi trích xuất thiết bị GSHT của mỗi phương tiện trong 01 tháng cho thấy có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy, nhưng không quy định thời gian bao lâu sau khi bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì được cấp lại. Đề xuất quy định thời gian tối thiểu sau 01 tháng bị tước phù hiệu, biển hiệu, đơn vị kinh doanh vận tải mới được phép nộp hồ sơ đề nghị cấp lại.

- Đề nghị bổ sung trong Nghị định số 10/2020/NĐ-CP một số nội dung:

+ Quy định để quản lý, kiểm soát đối với hoạt động của xe hợp đồng vì hiện nay, lượng xe chạy hợp đồng đang tăng lên nhanh chóng, hoạt động trá hình cạnh tranh không công bằng với xe khách tuyến cố định trong khi các quy định về quản lý xe hợp đồng còn đơn giản, chưa chặt chẽ.

+ Quy định xe ô tô đăng ký biển số ở tỉnh nào thì Sở Giao thông vận tải tỉnh đó quản lý cấp phù hiệu để đảm bảo cạnh tranh công bằng và tránh thất thu thuế trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh vận tải.

+ Quy định người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ sơ cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên; phải được tập huấn nghiệp vụ điều hành vận tải theo quy định.

- Đề nghị bỏ quy định về bản sao văn bằng, chứng chỉ người điều hành vận tải trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô quy định tại Điều 18 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

b) Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

- Tại khoản 2 Điều 8 quy định “Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B2, C, D, E và giấy phép lái xe các hạng F phải được đào tạo tập trung tại cơ sở được phép đào tạo và phải được kiểm tra cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo ...”. Đề xuất không bắt buộc học tập trung đối với việc học lý thuyết, thay vào đó là áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bằng hình thức khác (như học trực tuyến).

- Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT quy định cơ sở đào tạo lái xe phải lắp đặt, sử dụng thiết bị

DAT giám sát thời gian, quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, sử dụng kết quả thống kê để xét điều kiện dự kiểm tra tốt nghiệp và sát hạch lái xe. Đề nghị bỏ quy định giáo viên dạy thực hành phải thực hiện ghi chép nội dung, địa điểm đào tạo, số km thực hành lái xe... trong quá trình dạy thực hành lái xe (Sổ theo dõi thực hành lái xe). Ngoài ra, đề nghị quy định rõ thiết bị DAT chỉ lắp đặt trên xe tập lái trên đường, xe tập lái trong sân tập lái không bắt buộc lắp thiết bị DAT.

- Đề nghị điều chỉnh quy định giấy khám sức khỏe của người học lái xe có giá trị sử dụng trong vòng 01 năm kể từ ngày ký kết luận (thay vì quy định giá trị sử dụng trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký kết luận như tại Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT) để tạo điều kiện cho người học lái xe.

- Hầu hết đất của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đang sử dụng hợp pháp nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ chưa được đền bù, thu hồi đất. Trong khi đó, khoản 2 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ 2008 quy định *“Trong phạm vi đất dành cho đường bộ không được phép xây dựng công trình khác trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đó...”*, gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý vi phạm và hạn chế quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân. Do đó, đề xuất quy định rõ việc đền bù, thu hồi đất của tổ chức, cá nhân nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ để phục vụ mục đích giao thông.

5. Lĩnh vực Du lịch

a) Về hoạt động lưu trú

Nhiều đơn vị kinh doanh lợi dụng các trang bán phòng online như: Booking, Traveloka, Agoda,... để dùng hình ảnh ngôi sao quảng cáo hạng cơ sở lưu trú không đúng quy định pháp luật. Trong khi đó, việc xác minh nhận dạng chủ thể vi phạm còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc thu thập hồ sơ, chứng cứ từ các trang này (phần lớn các trang mạng này đều đặt văn phòng ở nước ngoài hoặc thuê văn phòng làm việc nên hay thay đổi địa điểm).

b) Về hoạt động lữ hành

Hiện nay, có một số đơn vị kinh doanh lữ hành lập hồ sơ thủ tục để xin cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoạt động một thời gian ngắn lại lập thủ tục trả Giấy phép lữ hành, rút tiền ký quỹ về; sau đó, dùng bản sao chụp của Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành để tiến hành kinh doanh, ký hợp đồng, thực hiện tour du lịch gây nhầm lẫn cho khách du lịch trong việc lựa chọn các đơn vị lữ hành.

c) Hướng dẫn viên du lịch

- Tình trạng hướng dẫn viên du lịch hoạt động không đúng quy định (hoạt động chui) khá phổ biến; trong khi đó, thẩm quyền của các lực lượng thanh tra còn hạn chế nên việc kiểm tra, xử lý và ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với đối tượng này không hiệu quả (vì lực lượng thanh tra không có thẩm quyền tạm thu, tạm giữ bất cứ giấy tờ gì của đối tượng này, nên việc xác minh hành vi vi phạm còn gặp nhiều khó khăn).

- Nhiều hướng dẫn viên du lịch sử dụng logo, quần áo, cờ có in logo của các công ty lữ hành uy tín, có thương hiệu để quảng cáo; thực hiện chương trình du lịch với các đối tượng khách du lịch là gia đình, nhóm bạn,... không có nhu cầu về hóa đơn. Điều này tiềm ẩn nguy cơ thất thu ngân sách, nguy cơ mất an ninh, an toàn và lừa đảo khách du lịch.

- Hiện nay, các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Bình Định đang thực hiện song song 02 phần mềm Quản lý lưu trú gồm: Phần mềm Quản lý lưu trú theo quy định của tỉnh Bình Định (do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý chính) và phần mềm Quản lý lưu trú theo quy định của Bộ Công an (khai báo trực tuyến qua VNeID). Điều này gây khó khăn cho các cơ sở kinh doanh lưu trú, vì cùng một thông tin của khách lưu trú nhưng phải khai báo 02 lần trên 02 hệ thống khác nhau.

6. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

a) Đối với Luật Đất đai năm 2013

- Điều 35 đến Điều 51 thuộc Chương IV Luật Đất đai đều sử dụng cụm từ “*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*”, theo đó đồng nhất nội dung “*Quy hoạch sử dụng đất*” với “*Kế hoạch sử dụng đất*”. Điều này là không thống nhất với định nghĩa về “*Quy hoạch sử dụng đất*” và “*Kế hoạch sử dụng đất*” tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Luật Đất đai. Đề nghị tách Chương này thành 02 Chương riêng quy định về “*Quy hoạch sử dụng đất*” và “*Kế hoạch sử dụng đất*”.

- Khoản 2 Điều 37 quy định Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hằng năm là không cần thiết và không phù hợp với cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường, không thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất thường xuyên phát sinh của các thành phần kinh tế. Đồng thời, việc lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hằng năm gây tốn kém cho ngân sách nhà nước, đề nghị điều chỉnh kỳ lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện từ hàng năm thành 05 năm (05 năm kỳ đầu và 05 năm kỳ cuối).

- Khoản 1 Điều 52 quy định Kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên,

quy định trên không đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất thường xuyên phát sinh của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

- Điểm d khoản 1 Điều 57 quy định “*Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp*”, nhưng không phân biệt đất ở với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Trong khi đó, đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 02 loại đất có tính chất rất khác nhau về thời hạn sử dụng và nghĩa vụ tài chính. Nội dung quy định này sẽ gây khó khăn trong xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính “*Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp*”.

b) Đối với Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Hiện nay, căn cứ cho công tác giao khu vực biển để nhận chìm vật, chất ở biển nói riêng và khai thác, sử dụng tài nguyên biển nói chung là Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Tuy nhiên, hai loại Quy hoạch này vẫn chưa được ban hành.

c) Đối với Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

- Chương VIII quy định các nội dung về cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi Giấy phép nhận chìm ở biển có đề cập đến các hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Mẫu bản đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 51/2014/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành.

Bên cạnh đó, Chương VIII chưa quy định nội dung lồng ghép thủ tục giao khu vực biển; gia hạn thời hạn giao khu vực biển; sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển sử dụng để nhận chìm ở biển trong quá trình giải quyết thủ tục cấp, gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển; sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong trường hợp thay đổi ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung Điều 40 theo hướng quy định mở rộng hơn đối với các trường hợp điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển nhưng không ảnh hưởng lớn đến mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại địa phương.

d) Đối với Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển

Điểm d khoản 4 Điều 5 quy định trường hợp thiếu căn cứ là các quy hoạch liên quan thì “*đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển có trách nhiệm xác định vị trí,*

ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao của địa phương sau khi lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và ý kiến tham gia của cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b và c khoản này”. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến quá nhiều gây khó khăn cho địa phương trong công tác giao khu vực biển vì kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các cá nhân, hộ gia đình nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ (bình quân diện tích khoảng 10m²/lồng nuôi).

- Đề nghị bổ sung quy định về xác định diện tích giao khu vực biển cho loại hình vui chơi, giải trí (mô tô nước, dù lượn) để địa phương có cơ sở áp dụng thực hiện.

- Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan tham mưu UBND tỉnh giao khu vực biển đối với các dự án nằm trong phạm vi quy hoạch và quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có phát sinh sử dụng khu vực biển.

- Đề nghị ban hành Nghị quyết về hoạt động đo gió, quan trắc, điều tra, khảo sát địa chất, địa hình, đánh giá tác động môi trường biển hoặc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và các nội dung kỹ thuật khác nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có nhu cầu lập dự án phát triển điện gió tại địa phương. Bởi vì, theo Báo cáo số 126/BC-BTNMT ngày 04/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Thủ tướng Chính phủ cho phép tạm dừng việc thẩm định, chấp thuận về vị trí, ranh giới, diện tích, tọa độ, độ sâu, thời gian sử dụng khu vực biển cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị quyết về hoạt động đo gió, quan trắc, điều tra, khảo sát địa chất, địa hình, đánh giá tác động môi trường biển hoặc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và các nội dung kỹ thuật khác.

- Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các đảo nhỏ, xã đảo tại khoản 3 Điều 3. Bởi vì, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có xã đảo Nhơn Châu đã và đang có các chương trình, dự án quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội triển khai trên đảo và một số đảo nhỏ có tiềm năng phát triển du lịch,... Việc không có thông tin đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý và 06 hải lý sẽ gây khó khăn cho công tác giao khu vực biển phục vụ các chương trình, dự án có sử dụng khu vực biển trên phạm vi đảo hiện nay và sau này. Đồng thời, việc chưa có quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các đảo nhỏ, xã đảo dẫn đến việc triển khai công tác giao khu vực biển gặp khó khăn, vướng mắc.

đ) Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

- Khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 47 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định UBND tỉnh có trách nhiệm quy định và công bố khu vực nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển là không thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (UBND tỉnh không thể công bố cả trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

e) Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Điều 1 khoản 13 Điều 2 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ: “*l) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, vùng ven biển và hải đảo; triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; quản lý rác thải nhựa đại dương theo quy định của pháp luật;*”. Tuy nhiên, trong cơ cấu tổ chức Bộ Tài nguyên và Môi trường không có lực lượng thực hiện công tác khắc phục sự cố tràn dầu ngoài hiện trường, dẫn đến công tác khắc phục sự cố tràn dầu chồng chéo về cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai hoạt động khắc phục ngoài thực địa. Bên cạnh đó, hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể các hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển nên rất khó triển khai.

g) Thông tư số 38/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên biển

Theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BTNMT, để lập kế hoạch khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu phải mất 30 - 60 ngày kể từ khi có báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu, trong thời gian đó phải tổ chức nhiều hoạt động bao gồm: Điều tra, đánh giá sơ bộ mức độ ô nhiễm môi trường biển; đánh giá chi tiết mức độ ô nhiễm môi trường biển; theo dõi diễn biến ô nhiễm môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu nghiêm trọng thì phải tiến hành nhiều hoạt động điều tra, đánh giá, theo dõi... sẽ vô tình làm cho mức độ ảnh hưởng môi trường từ sự cố tràn dầu càng trầm trọng hơn.

h) Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

- Điểm b khoản 1 Điều 11 quy định một trong những thành phần hồ sơ đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo là “*b) Các tài liệu chứng minh kết quả đạt được đối với các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, tiêu chí, tiêu chí thành phần*”. Tuy nhiên, Thông tư không quy định cụ thể, rõ ràng về yêu cầu tài liệu chứng minh phải bao gồm hình thức, nội dung gì nên khó thực hiện.

- Phụ lục 01 quy định về Bộ chỉ số, nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và Phụ lục 02 quy định về cách tính điểm của tiêu chí, tiêu chí thành phần có một số nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, không phù hợp với thực tiễn (Tiêu chí TC 2.3, Tiêu chí TC 4.6, Tiêu chí TC 8.1, các Tiêu chí thành phần TCTP 8.1.3).

i) Quyết định số 12/2021 ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

Điều 39 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Hướng dẫn các các bộ, ngành, địa phương xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam để phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu; hướng dẫn các địa phương điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn và hướng dẫn các địa phương xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn. Tuy nhiên, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn các nội dung này theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

k) Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Theo quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020 và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (số thứ tự 6), các dự án có chiếm dụng vĩnh viễn hoặc yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa (cho dù chỉ từ 01 m²) đều thuộc đối tượng lập Báo cáo ĐTM. Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh có nhiều dự án xây dựng, đặc biệt các dự án đầu tư công, sử dụng vốn ngân sách nhà nước có quy mô nhỏ nhưng có yêu cầu chuyển đổi đất lúa; các dự án này không tác động đáng kể đến môi trường tự nhiên và xã hội nhưng bắt buộc phải lập Báo cáo ĐTM. Việc này sẽ gây khó khăn, phát sinh thêm nhiều thủ tục cho chủ đầu tư, làm chậm tiến độ đầu tư dự án, nhất là các dự án thành phần

phục vụ tuyến đường cao tốc Bắc - Nam cần yêu cầu gấp về tiến độ. Trong khi đó, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa đã được đánh giá cụ thể trong Quy hoạch tỉnh nên việc đánh giá nhỏ lẻ cho từng dự án là không cần thiết. Ngoài ra, trong thời điểm hiện nay, do việc tinh giảm biên chế theo quy định nên nhân lực cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh giảm, khó đáp ứng khối lượng công việc ngày càng nhiều.

- Theo điểm a khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 3 Điều 41 Luật BVMT, các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường công suất dưới 500 tấn/ngày đều phải có giấy phép môi trường do cơ quan quản lý cấp tỉnh cấp. Trong khi đó, nhiều cơ sở tái chế nhựa, chế biến phân compost,... có quy mô khá nhỏ (chỉ vài tấn/ngày), tác động đến môi trường không đáng kể nhưng việc lập hồ sơ môi trường đòi hỏi nhiều thời gian, chi phí.

- Đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh, sửa đổi thành phần hồ sơ nộp chuyển đổi rừng quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP theo hướng: Tài liệu đánh giá tác động môi trường đối với chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng theo quy định của Luật BVMT năm 2020 (trường hợp Dự án có diện tích đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng tự nhiên thì phải có hồ sơ môi trường; trường hợp, rừng sản xuất thì không yêu cầu hồ sơ môi trường trong giai đoạn này).

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật BVMT, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành các quy định và hướng dẫn nêu trên nên địa phương gặp khó khăn trong quá trình xây dựng, ban hành các quy định và chính sách quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Khoản 4 Điều 124 Luật BVMT yêu cầu UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ sở sản xuất, kinh doanh ban hành và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030 yêu cầu UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải. Theo đó, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải đồng thời xây dựng 02 kế hoạch ứng phó sự cố với nhiều nội dung trùng lặp. Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét, điều chỉnh Quyết định số 146/QĐ-TTg đảm bảo phù hợp với quy định của Luật BVMT.

7. Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội

- Theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Lao động 2019, việc xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm được thực hiện theo nội quy lao động hoặc thỏa thuận trong hợp đồng lao động hoặc quy định của pháp luật về lao

động. Theo đó, việc người sử dụng lao động chưa ban hành và đăng ký nội quy lao động với cơ quan có thẩm quyền (hành vi vi phạm pháp luật lao động) vẫn được xử lý kỷ luật lao động. Do vậy, đề nghị sửa đổi Điều 127 Bộ luật Lao động 2019 theo hướng: Nghiêm cấm người sử dụng lao động xử lý kỷ luật lao động khi chưa ban hành và đăng ký nội quy lao động với cơ quan có thẩm quyền.

- Khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định: Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương quy định khối lượng học tập tối thiểu và yêu cầu năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, quy trình, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH (sửa đổi Điều 5 Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH), quy định: Người đứng đầu cơ sở đào tạo sơ cấp quyết định xây dựng, thẩm định, ban hành Quy định khối lượng học tập tối thiểu và yêu cầu năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp theo từng ngành, nghề đào tạo để áp dụng trong cơ sở đào tạo. Do đó, đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những vướng mắc, bất cập nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, rà soát những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp với thực tiễn thi hành pháp luật để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K11. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng